Người ký: Hội đồng Nhân dân thành phố
Email: hdnd@danang.gov.vn
Cơ quan: Thành phố Đà Nẵng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 105/2017/NQ-HĐND	*Đà Nẵng, ngày 07 tháng 7 năm 2017*

NGHỊ QUYẾT
Về quy định một số cơ chế, chính sách đầu tư xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Hòa Vang, giai đoạn 2017- 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG, KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 26 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Xét Tờ trình số 4605/TTr-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc một số cơ chế, chính sách đầu tư xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Hòa Vang, giai đoạn 2017- 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành Quy định kèm theo Nghị quyết này Quy định một số cơ chế, chính sách đầu tư xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Hòa Vang, giai đoạn 2017- 2020.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có liệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2017.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng Khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021, kỳ họp thứ tư thông qua ngày 07 tháng 7 năm 2017./.

Nơi nhận:
- UBTVQH, Chính phủ, VP Chủ tịch nước;
- Các Bộ: NN& PTNT, KH&ĐT, Tài chính, Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL thuộc Bộ Tư pháp;
- BTV Thành ủy, cơ quan tham mưu, giúp việc Thành ủy;
- ĐB HĐND thành phố; Đoàn ĐBQH thành phố;
- UBND, UBMTTQVN thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND thành phố;
- Các sở, ngành, đoàn thể thành phố;
- Quận, huyện ủy; HĐND, UBND, UBMTTQVN các quận, huyện, HĐND, UBND các phường, xã;
- Báo ĐN, Báo CATP ĐN, Đài PTTH ĐN, Trung tâm TTVN (VTV8), Cổng TTĐT thành phố;
- Lưu VT, TH.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Anh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Một số cơ chế, chính sách đầu tư xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Hòa Vang, giai đoạn 2017- 2020

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 105 /2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện Hòa Vang (sau đây viết tắt là huyện) giai đoạn 2017-2020 nhằm thực hiện việc duy trì và nâng cao tiêu chí nông thôn mới theo Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư, doanh nghiệp đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở nông thôn trên địa bàn huyện Hòa Vang, nhằm thực hiện các mục tiêu của Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

2. Các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, chủ trang trại, cá nhân (sau đây gọi tắt là các tổ chức, cá nhân) đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện Hòa Vang.

3. Các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chính sách theo quy định này.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Ngoài những chính sách hỗ trợ ban hành tại Quy định này, các tổ chức, cá nhân vẫn được hỗ trợ theo các chính sách khác theo quy định hiện hành của Chính phủ và của Thành phố.

2. Trường hợp tổ chức, cá nhân được hưởng nhiều mức hỗ trợ khác nhau trong cùng một nội dung hỗ trợ thì được lựa chọn áp dụng mức cao nhất.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ
Mục 1
HỖ TRỢ KẾT CẤU HẠ TẦNG VÀ MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN

Điều 4. Nội dung, cơ chế và tỷ lệ hỗ trợ

1. Đầu tư xây dựng đường liên thôn, xóm, kiệt, hẻm và giao thông trục chính nội đồng:

a) Đường liên thôn, xóm, được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí xây lắp theo thiết kế - dự toán được duyệt.

b) Đường xóm, kiệt, hẻm, được ngân sách nhà nước hỗ trợ toàn bộ vật tư theo định mức kinh tế kỹ thuật.

2. Hỗ trợ kiên cố hóa kênh mương do địa phương quản lý (kênh chính nội đồng): Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí xây lắp theo thiết kế - dự toán được duyệt.

3. Hỗ trợ đầu tư nâng cấp nhà văn hóa, khu thể thao của thôn: Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất và thiết bị nhà văn hóa, khu thể thao thôn được ngân sách nhà nước hỗ trợ không quá 50.000.000 đồng/công trình/thôn.

4. Hỗ trợ đầu tư điện chiếu sáng nông thôn (trừ các tuyến đường huyện, tỉnh) được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí xây lắp theo thiết kế, dự toán được duyệt.

5. Hỗ trợ đầu tư trường học đạt chuẩn quốc gia: Đầu tư xây dựng, nâng cấp các trường mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở đảm bảo cơ sở vật chất đạt chuẩn được ngân sách hỗ trợ 100% chi phí theo thiết kế, dự toán được duyệt.

6. Hỗ trợ trên lĩnh vực môi trường nông thôn

a) Đầu tư hệ thống xử lý nước thải; hệ thống thoát nước đảm bảo môi trường tại các chợ, khu dân cư, khu chăn nuôi tập trung được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí theo thiết kế, dự toán được duyệt.

b) Hỗ trợ xây dựng tuyến đường kiểu mẫu đảm bảo xanh - sạch - đẹp (xây dựng bồn hoa, cây xanh, thảm cỏ, pano...) được ngân sách hỗ trợ 100% dự toán được duyệt.

c) Đầu tư xây dựng tường rào, cây xanh tạo ranh giới hành lang tại các khu dân cư sát với nghĩa trang, nghĩa địa được ngân sách hỗ trợ 100% chi phí theo định mức kinh tế kỹ thuật.

d) Đầu tư mua sắm phương tiện trang thiết bị phục vụ thu gom rác tại nguồn đảm bảo môi trường, xây dựng các điểm chứa rác văn minh, hợp vệ sinh, các chi phí liên quan đến khảo sát, phân tích mẫu, thu gom xử lý chất thải rắn trong nông nghiệp được ngân sách hỗ trợ 100% dự toán được duyệt.

đ) Hỗ trợ hộ gia đình chính sách, hộ nghèo và các đối tượng xã hội xây dựng nhà tắm, nhà vệ sinh...đảm bảo tiêu chí 3 sạch được ngân sách hỗ trợ 2.400.000 đồng/hộ.

e) Hỗ trợ 50% giá trị đầu tư xây dựng hầm biogas, đệm lót sinh học, chế phẩm EM cho các hộ chăn nuôi theo hướng an toàn, dịch bệnh nhưng mức hỗ trợ tối đa không quá 5.000.000 đồng/hộ.

7. Tỷ lệ hỗ trợ giữa ngân sách thành phố và ngân sách huyện cho đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, môi trường nông thôn quy định tại khoản 1,

2, 3, 4, 5 và 6 Điều này được thực hiện theo nguyên tắc ngân sách thành phố hỗ trợ 60%, ngân sách huyện hỗ trợ 40%.

Điều 5. Trình tự thực hiện

1. Quy trình lập kế hoạch đầu tư cấp xã thực hiện theo quy định tại Thông tư số 01/2017/TT-BKHĐT ngày 14/02/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc Hướng dẫn quy trình lập kế hoạch đầu tư cấp xã thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Trình tự, thủ tục đầu tư và quyết toán kinh phí đầu tư công trình thực hiện đúng theo các quy định hiện hành.

Điều 6. Phương thức hỗ trợ thực hiện

1. Ngân sách các cấp hỗ trợ thông qua ngân sách xã để tổ chức thực hiện, cụ thể:

a) UBND cấp xã tổng hợp toàn bộ phần quyết toán chi phí mua vật tư (trong khoản mục chi phí xây dựng) từng dự án, công trình kèm theo Tờ trình gửi phòng Tài chính - Kế hoạch huyện thẩm tra. Căn cứ báo cáo thẩm tra của phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, UBND xã ra quyết định phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành.

b) UBND huyện Hòa Vang căn cứ ngân sách thành phố bổ sung có mục tiêu cho huyện và nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản phân cấp cho huyện để bổ sung có mục tiêu cho ngân sách xã thực hiện theo tỉ lệ hỗ trợ quy định tại Khoản 1; Điều 3; UBND cấp xã thực hiện quy định cấp phát, thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định Luật Ngân sách Nhà nước.

2. Ngoài nguồn kinh phí ngân sách hỗ trợ, các khoản kinh phí còn lại được quy định tại khoản 1 Điều này vận động nhân dân đóng góp tự nguyện.

3. Việc thực hiện cấp phát, thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Mục 2
HỖ TRỢ TIẾP CẬN CÁC DỊCH VỤ XÃ HỘI CƠ BẢN

Điều 7. Đối tượng

Hộ nghèo, hộ cận nghèo theo tiêu chuẩn thành phố; ưu tiên hộ nghèo thuộc đối tượng chính sách, người dân tộc thiểu số, phụ nữ đơn thân.

Điều 8. Điều kiện hỗ trợ

Đầu tư hỗ trợ trực tiếp cho các hộ gia đình và các thành viên thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản: Tiếp cận các dịch vụ về giáo dục đào tạo; y tế; điều kiện sống; tiếp cận thông tin và bảo hiểm trợ giúp xã hội để hộ nghèo tiếp cận và nâng cao mức thu nhập vươn lên thoát nghèo.

Điều 9. Nội dung thực hiện

1. Đầu tư xây và sửa chữa nhà (Ngân sách nhà nước hỗ trợ 40%, Quỹ

vì người nghèo hỗ trợ 60%); Ưu tiên bố trí chung cư cho hộ gia đình có diện tích nhà ở bình quân đầu người dưới 8m^2/người.

2. Tăng cường các biện pháp tuyên truyền, nâng cao nhận thức, ý thức của hộ gia đình trong việc tiếp cận các dịch vụ cơ bản như mở rộng diện phổ cập chính sách giáo dục, y tế, tiếp cận với công nghệ thông tin.

3. Tổ chức các lớp phổ cập giáo dục Trung học cơ sở cho người từ 16 - 30 tuổi chưa tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc không đi học.

4. Huy động các nguồn lực hỗ trợ các phương tiện thông tin như ti vi, điện thoại, kết nối sử dụng internet, cải thiện công trình vệ sinh, tổ chức các đợt khám chữa bệnh và cấp phát thuốc...

Điều 10. Trình tự thực hiện

1. Khảo sát thống kê số lượng hộ nghèo, hộ cận nghèo chưa được tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các đơn vị liên quan theo nhiệm vụ được giao có kế hoạch phối hợp với UBND huyện triển khai thực hiện.

Mục 3

HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT

Điều 11. Hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu giống lúa trung, ngắn ngày có chất lượng, sản xuất lúa hữu cơ

1. Nội dung hỗ trợ

Hộ gia đình, cá nhân mua giống lúa xác nhận để sản xuất từ nguồn giống lúa tại các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn đảm bảo điều kiện sản xuất giống để cung ứng cho thành viên hợp tác xã hoặc mua tại các công ty giống (giống lúa trung ngắn ngày nằm trong cơ cấu giống được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành) được ngân sách hỗ trợ phần chênh lệch giá giữa thóc giống và thóc thịt theo giá thị trường tại thời điểm mua.

2. Trình tự thực hiện

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất lúa hằng năm, UBND các xã thông báo đến nhân dân đăng ký mua giống, tổng hợp danh sách, loại giống gửi về UBND huyện (thông qua Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) để ký hợp đồng mua giống cung ứng cho nông dân và lập các thủ tục trình phê duyệt và thanh quyết toán theo quy định.

Điều 12. Hỗ trợ cải tạo vườn tạp, xây dựng vườn gia đình

1. Điều kiện hỗ trợ

Hộ gia đình, cá nhân có vườn tạp nằm trong vùng quy hoạch ổn định lâu dài và có kế hoạch đăng ký xây dựng vườn mẫu phát triển kinh tế vườn theo tiêu chí xây dựng nông thôn mới do UBND huyện phê duyệt.

2. Nội dung, mức hỗ trợ

Hộ gia đình thực hiện cải tạo vườn tạp để phát triển kinh tế vườn có quy mô từ 500 m^2 trở lên, được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% giá trị cây giống, nhưng tối đa không quá 10.000.000 đồng/hộ (trong đó ngân sách thành phố hỗ trợ 80%, ngân sách huyện hỗ trợ 20%).

3. Trình tự thực hiện

a) Căn cứ kế hoạch hàng năm, UBND huyện, xã có văn bản thông báo đến các thôn để phổ biến kế hoạch hỗ trợ cải tạo vườn tạp trên địa bàn huyện, xã.

b) Hộ gia đình làm đơn đăng ký số lượng, chủng loại cây giống và cam kết thực hiện cải tạo vườn tạp (có xác nhận của Trưởng thôn) gửi UBND xã để tổng hợp.

c) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hết hạn nhận đơn, UBND xã tổng hợp danh sách và cam kết của hộ gửi về UBND huyện. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của UBND xã, UBND huyện thẩm định, phê duyệt và cấp tạm ứng 70% tổng kinh phí về cho UBND xã.

d) Căn cứ quyết định phê duyệt, UBND xã thông báo cho các hộ gia đình được hỗ trợ để thực hiện. UBND xã trực tiếp mua cây giống và cấp phát cây cho hộ. Sau 30 ngày kể từ ngày cấp phát cây giống, UBND xã mời UBND huyện kiểm tra, nghiệm thu và quyết toán theo quy định.

đ) Căn cứ kết quả nghiệm thu để quyết toán: Tỉ lệ cây sống, phát triển tốt đạt từ 70% trở lên được thanh toán 100% kinh phí hỗ trợ; tỉ lệ cây sống dưới 70% thì được thanh toán hỗ trợ kinh phí số cây sống và hộ sẽ hoàn trả giá trị phần cây chết do lỗi thiếu trách nhiệm của hộ (trừ yếu tố thiên tai có Biên bản xác nhận của các cơ quan liên quan).

e) Trong thời hạn 10 ngày nhận hồ sơ nghiệm thu của UBND xã gửi, UBND huyện kiểm tra, phê duyệt quyết toán và cấp tiếp phần kinh phí còn lại cho UBND xã.

Điều 13. Hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản

1. Nội dung, mức hỗ trợ

Hộ gia đình, cá nhân đầu tư xây dựng mới, cải tạo ao, hồ nuôi trồng thủy sản (trong vùng quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt) theo hướng nuôi bền vững, có quy mô từ 1.000m^2 trở lên, được ngân sách nhà nước hỗ trợ:

a) Đầu tư hạ tầng kỹ thuật ao nuôi với mức hỗ trợ 50.000.000 đồng/ha nhưng không quá 100.000.000 đồng/hộ (ngân sách thành phố hỗ trợ 80%, ngân sách huyện 20%).

b) Hỗ trợ 50% chi phí mua con giống lần đầu, nhưng mức hỗ trợ tối đa không quá 10.000.000 đồng/hộ từ nguồn ngân sách thành phố.

2. Điều kiện hỗ trợ

a) Vùng nuôi trồng thủy sản phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch.

b) Không được sử dụng đất lúa sản xuất hai vụ/năm để nuôi trồng thủy sản. Hoạt động nuôi trồng thủy sản không làm ảnh hưởng đến các hoạt động khác của cộng đồng địa phương như: vệ sinh môi trường, nguồn nước sinh hoạt.

3. Trình tự thực hiện

a) Căn cứ quy hoạch phát triển các vùng nuôi trồng thủy sản được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hộ gia đình, cá nhân phải lập hồ sơ (số lượng 03 bộ) gồm: Dự án hoặc báo cáo đầu tư công trình gửi về UBND xã xác nhận và gởi về UBND huyện. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ, UBND huyện thẩm tra và thông báo bằng văn bản về mức hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ.

b) Sau khi nhận thông báo, hộ gia đình, cá nhân lập hồ sơ thiết kế, bản vẽ thi công và dự toán các hạng mục công trình, gửi UBND huyện trình thẩm định, phê duyệt. Trong thời hạn thẩm định hồ sơ trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định. Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

c) Sau khi các hạng mục công trình xây dựng hoàn thành, UBND huyện phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND xã tổ chức kiểm tra, nghiệm thu làm căn cứ thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ.

Điều 14. Hỗ trợ phát triển trồng rừng

1. Điều kiện hỗ trợ

Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng hộ đồng bào dân tộc thiểu số đầu tư trồng rừng nằm trong kế hoạch quy hoạch, được giao đất ổn định.

2. Nội dung hỗ trợ

Hộ gia đình, cá nhân đầu tư trồng rừng kinh tế có quy mô tối thiểu 01 ha, được ngân sách Nhà nước hỗ trợ 100% giá trị đầu tư (gồm: giống, phân bón...) nhưng mức hỗ trợ tối đa không quá 6.000.000 đồng/ha, mỗi hộ hỗ trợ không quá 03 ha từ ngân sách thành phố

3. Trình tự thực hiện

a) Căn cứ kế hoạch hàng năm, UBND huyện, xã có văn bản thông báo đến các thôn để phổ biến kế hoạch hỗ trợ.

b) Hộ gia đình làm đơn đăng ký và cam kết thực hiện trồng rừng (có xác nhận của Trưởng thôn) gửi UBND xã để tổng hợp.

c) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hết hạn nhận đơn, UBND xã tổng hợp danh sách và cam kết của hộ gửi về UBND huyện. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của UBND xã, UBND huyện thẩm định trình phê duyệt và cấp tạm ứng 70% tổng kinh phí về cho UBND xã.

d) Căn cứ quyết định phê duyệt, UBND xã thông báo cho các hộ gia đình được hỗ trợ để thực hiện. Hộ gia đình trực tiếp thực hiện các bước chuẩn bị hiện trường trồng rừng. UBND xã phối hợp với các cơ quan liên quan của UBND huyện kiểm tra và nghiệm thu theo tiến độ để ứng kinh phí cho hộ. Sau 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc trồng rừng, UBND xã mời UBND huyện kiểm tra, nghiệm thu và quyết toán theo quy định.

đ) Trong thời hạn 10 ngày nhận hồ sơ nghiệm thu của UBND xã gửi, UBND huyện kiểm tra, phê duyệt quyết toán) và cấp tiếp phần kinh phí còn lại cho UBND xã để thanh toán cho hộ

Điều 15. Khuyến khích nâng cao an toàn thực phẩm nông sản

1. Nội dung hỗ trợ

Các tổ chức, cá nhân xây dựng và áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP, VietGAHP, GMP..) được ngân sách thành phố hỗ trợ:

a) Toàn bộ chi phí đào tạo thực hành nông nghiệp tốt trong sản xuất, sơ chế, chế biến sản phẩm an toàn; chi phí phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu sản phẩm và các chi phí đảm bảo chứng nhận cơ sở đủ điều kiện để sản xuất kinh doanh thực phẩm nông sản an toàn.

b) Hỗ trợ một lần chi phí thuê tổ chức tư vấn đánh giá và cấp giấy chứng nhận áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt theo quy định.

2. Trình tự thực hiện

a) Tổ chức, cá nhân có đơn đăng ký hỗ trợ xây dựng, chứng nhận kèm theo dự toán kinh phí hỗ trợ, gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đơn đăng ký, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, phê duyệt dự toán, mức kinh phí hỗ trợ và thông báo cho tổ chức, cá nhân nộp đơn.

b) Sau khi nhận được thông báo, tổ chức, cá nhân tiến hành ký hợp đồng với Tổ chức chứng nhận được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định và triển khai thực hiện.

Sau khi hoàn thành việc chứng nhận, tổ chức, cá nhân nộp 02 bộ hồ sơ gồm: Hợp đồng, Biên bản thanh lý hợp đồng, Giấy chứng nhận do tổ chức chứng nhận cấp, gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để kiểm tra, làm căn cứ cấp kinh phí hỗ trợ.

c) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra hồ sơ và thông báo kết quả cho tổ

chức, cá nhân. Việc cấp kinh phí hỗ trợ và thanh quyết toán thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 16. Hỗ trợ phát triển mô hình kinh tế hợp tác trong nông nghiệp, mô hình hữu cơ, nông nghiệp sạch

1. Nội dung, mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ một lần 100% chi phí họp triển khai, tập huấn quy trình sản xuất, công cán bộ giám sát, vật tư, thiết bị thiết yếu có liên quan đến mô hình liên kết nhưng không quá 50.000.000 đồng /mô hình.

b) Hỗ trợ thực hiện tiêu thụ nông sản cho thành viên thông qua hợp đồng nhưng không quá 50.000.000 đồng/năm/mô hình.

c) Hỗ trợ đầu tư thiết bị cơ giới hóa mới để sản xuất trồng trọt, chăn nuôi tập trung, sản xuất nấm, rau an toàn, hoa, cây ăn quả, nuôi trồng thủy sản. Kinh phí hỗ trợ: Tối đa 50% giá trị thiết bị nhưng không quá 200.000.000 đồng/đơn vị.

d) Hỗ trợ mô hình hữu cơ, nông nghiệp sạch, sản phẩm chủ lực đặc trưng được hỗ trợ 100% giống, 50% vật tư, phân bón, thuốc BVTV theo định mức.

đ) Các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị được thực hiện thông qua hợp đồng liên kết, không qua đấu thầu.

2. Trình tự thực hiện

a) UBND huyện Hòa Vang tổng hợp nhu cầu từ các địa phương, lập dự toán kinh phí gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính tham mưu UBND thành phố giao dự toán cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND huyện Hòa Vang để thực hiện.

b) Đối với nội dung hỗ trợ từ nguồn kinh phí của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trên cơ sở dự toán đã được thành phố giao, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai thực hiện hỗ trợ, nghiệm thu, thanh quyết toán kinh phí được giao theo quy định hiện hành về quản lý vốn sự nghiệp.

c) Đối với nội dung hỗ trợ từ nguồn kinh phí của UBND huyện Hòa Vang, UBND huyện tổng hợp nhu cầu từ các địa phương, lựa chọn các đơn vị, cá nhân đủ điều kiện hỗ trợ và phê duyệt, thực hiện cấp kinh phí hỗ trợ, nghiệm thu, thanh quyết toán theo quy định.

Điều 17. Kinh phí thực hiện

1. Nguồn ngân sách thành phố hỗ trợ trực tiếp đầu tư xây dựng nông thôn mới, ngân sách huyện Hòa Vang và nhân dân đóng góp, các tổ chức đóng góp.

2. Các nguồn vốn từ ngân sách Trung ương hỗ trợ, các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 18. Phương thức hỗ trợ từ nguồn ngân sách thành phố

1. Đối với nguồn ngân sách thành phố hỗ trợ cho địa phương để thực hiện các chính sách hỗ trợ ban hành theo quy định này, UBND thành phố cấp bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện.

2. Đối với nguồn ngân sách thành phố cấp cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Sở, ngành hỗ trợ cho các tổ chức, hộ gia đình, các nhân theo quy định tại chính sách này, UBND thành phố giao dự toán hàng năm cho các Sở từ nguồn kinh phí sự nghiệp của thành phố.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện các nội dung chính sách của Quy định này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thông báo công khai, rộng rãi nội dung chính sách hỗ trợ, hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục để các tổ chức, các nhân biết, thực hiện; thực hiện phương thức hỗ trợ gắn với cải cách thủ tục hành chính. Tổ chức kiểm tra, giám sát và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện chính sách với Hội đồng nhân dân thành phố.

3. Trong trường hợp có sự thay đổi, điều chỉnh về trình tự, thủ tục thực hiện các nội dung cơ chế, chính sách, Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố để xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Nguyễn Xuân Anh